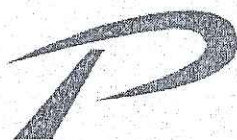


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG



PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HÓA
TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU
BÌNH DƯƠNG – TNHH MTV



BÌNH DƯƠNG, THÁNG 12 NĂM 2017

MỤC LỤC

Thuật ngữ và viết tắt	3
Cơ sở pháp lý để xây dựng phương án	4
Mục tiêu cổ phần hóa	5
PHẦN I GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA	6
I. Khái quát chung về Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương	6
II. Tình hình vốn kinh doanh và tài sản theo sổ sách kế toán của Công ty đến thời điểm 31/12/2015	15
III. Diện tích các khu đất Công ty hiện đang quản lý, sử dụng	18
IV. Tình hình lao động	18
V. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2013, 2014, 2015	21
VI. KẾT LUẬN	26
PHẦN II PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	27
I. Tình hình thực hiện cổ phần hóa	27
II. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước và vốn điều lệ của Công ty cổ phần	28
III. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp	38
IV. Phương án tổ chức lao động, bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa	38
V. Diện tích các khu đất Công ty được giao sau cổ phần hóa	40
VI. Phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 03 năm (2017, 2018, 2019)	40
VII. Các dự án đầu tư sau khi cổ phần hoá	44
VIII. Kết luận - Kiến nghị	4445
PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT	46

Thuật ngữ và viết tắt

Ban Tổng Giám Đốc	Ban Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương
BCTC	Báo cáo tài chính
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CPH	Cổ phần hóa
CSH	Chủ sở hữu
CTCP	Công ty cổ phần
DN	Doanh nghiệp
KD	Kinh doanh
MTV	Một thành viên
NLĐ	Người lao động
NN	Nhà nước
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TC-KT	Tài chính – Kế toán
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	Ủy ban nhân dân

Cơ sở pháp lý để xây dựng phương án

Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Nghị định 59);

Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 (Nghị định 189);

Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Nghị định 116);

Văn bản số 02/VBHN-BTC ngày 12/01/2016 của Bộ Tài chính về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu có hiệu lực kể từ ngày 15/09/2015 (Nghị định 63)

Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước (Quyết định 37);

Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã Hội về việc Hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 33);

Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần (Thông tư 127);

Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần (Thông tư 196);

Công văn số 2444/TTg-ĐMDN ngày 05/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Dương;

Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Công văn số 157/CV-BCĐ ngày 05/02/2016 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 3027/QĐ-UBND Bình Dương ngày 31/10/2017 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 17/07/2017 về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán và số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 ngày 17/11/2017 do Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam lập;

Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty tháng 04 năm 2015;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700148166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/11/2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 27/05/2015;

Báo cáo tài chính Tổng Công ty đã kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015;

Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ trong Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Tổng Công ty SX – XNK Bình Dương TNHH MTV như sau:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu; Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý; Huy động vốn của các nhà đầu tư để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.
- Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp.
- Nâng cao vai trò làm chủ thất sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

PHẦN I

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA

I. Khái quát chung về Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương

1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty	: TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG
Tên tiếng Anh	: BINH DUONG PRODUCING AND TRADING GOODS CORPORATION
Tên viết tắt	: Protrade
Trụ sở chính	: A128 KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại	: 0274. 3755243 - 3755039 – 3755342
Fax	: 0274. 3755040
Mã số thuế	: 3700148166
Email	: protradecorp@hcm.vnn.vn
Vốn điều lệ	: 1.350.000.000.000
Logo	:



2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Giai đoạn 1982 - 2002

Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương, tiền thân là Xí nghiệp sản xuất hàng cao su 3-2 Sông Bé, được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-TU ngày 20/10/1982 của Tỉnh ủy Sông Bé. Xí nghiệp ra đời theo chủ trương của Đảng nhằm đóng góp cho ngân sách Đảng bộ địa phương. Dựa vào thế mạnh về tài nguyên của tỉnh là cao su và bột đất cao lanh – nguyên liệu chính để sản xuất dép xốp cao su đi biển, Xí nghiệp đã chọn làm sản phẩm chủ lực để xuất khẩu sang thị trường Liên Xô và các nước XHCN.

CBCNV của Xí nghiệp đầu tiên chỉ 10 người được điều chuyển từ Xí nghiệp Quốc doanh chăn nuôi 2-9 sang để bắt đầu xây dựng cơ sở vật chất trên mảnh đất rộng 1,7 ha tại thị trấn Lái Thiêu, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Chi bộ ban đầu chỉ có 03 đồng chí, các đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên chưa hình thành.

Xí nghiệp bắt đầu hầu như từ tay trắng: không nhân lực, không vốn liếng, không chuyên môn kỹ thuật. Để nhanh chóng đi vào hoạt động, khi nhà xưởng vừa tạm thời xây xong, xí nghiệp đã thuê gần 50 lao động người Việt gốc Hoa ở TP.Hồ Chí Minh có tay nghề chuyên môn về sản xuất dép xốp nhanh chóng lắp đặt máy móc, bắt tay ngay vào sản xuất. Trên 300 lao động phổ thông tại địa

phương được tuyển dụng vào vừa học vừa làm. Chỉ một thời gian ngắn, Xí nghiệp đã có lô hàng đầu tiên đạt tiêu chuẩn và ủy thác xuất khẩu sang Liên Xô.

Nguồn vốn hoạt động ban đầu của xí nghiệp chỉ vón vén 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) nên phải huy động từ nhiều nguồn và quay nhanh nguồn vốn, lấy ngắn nuôi dài và tích góp để phát triển từng bước vững chắc.

Bên cạnh dây chuyền sản xuất dép xốp, năm 1983 Xí nghiệp đã sớm xây dựng xưởng nước đá cây, tiêu thụ sản phẩm hàng ngày nhằm đảm bảo lượng tiền mặt giải quyết nhu cầu sản xuất và đời sống của CBCNV đều hầu hết ăn ở tập trung tại Xí nghiệp. Xí nghiệp còn mở rộng ra các xưởng phụ trợ như xưởng cưa, xưởng đóng gói bao bì, xưởng cơ khí, xưởng quai dép để chủ động sản xuất, tăng nhanh sản lượng xuất khẩu và sử dụng ngoại tệ mạnh có được (đồng Rúp) đổi hàng đổi lưu gồm những mặt hàng chiến lược để cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng thiết yếu trong tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ của Ủy ban Nhân dân Tỉnh và các ban ngành đoàn thể, cùng với sự nỗ lực của tập thể CBCNV đã tạo điều kiện cho Xí nghiệp không ngừng vươn lên. Đến năm 1984 số CBCNV có trên 500 người. Chính vì vậy sau 02 năm, tập thể Xí nghiệp đã vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng III do Hội đồng Nhà nước trao tặng vào ngày 30/09/1984 và tiếp theo năm sau Xí nghiệp lại vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng I do Hội đồng Nhà nước trao tặng vào ngày 06/01/1985. Nhờ sự động viên lớn lao và kịp thời này nên tập thể CBCNV Xí nghiệp đã giữ vững tinh thần đoàn kết, ra sức phấn đấu cộng với sự năng động, nhạy bén, "dám nghĩ, dám làm" của lãnh đạo đã vượt qua mọi khó khăn thử thách phía trước, không ngừng vươn lên.

Từ số vốn ban đầu 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) sau hơn 20 năm hoạt động, tổng số vốn của Công ty là 271.000.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một tỷ đồng), tăng 67.750 lần so với ban đầu. Số CBCNV đạt trên 3.300 lao động. Năm 2002, doanh thu đạt 450.5 tỷ đồng, nộp ngân sách đạt 12.5 tỷ đồng.

2.3. Giai đoạn 2003 - 2015:

Kể từ sau chủ trương đổi mới và chính sách kêu gọi thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư của Đảng và Nhà nước, nền kinh tế của nước ta ngày càng phát triển, vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng lên trên trường quốc tế. Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị thượng đỉnh các nước khu vực Châu Á – Thái Bình Dương APEC lần thứ 14, gia nhập và là thành viên thứ 150 của tổ chức Thương mại thế giới WTO, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ là thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc nhiệm kỳ 2008 - 2009. Trước cơ hội và thách thức mới, các doanh nghiệp phải phấn đấu để đứng vững và phải nhanh chóng hội nhập để tồn tại và phát triển.

Nhằm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 24/09/2001, Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 03/02/2004 khóa IX và Nghị Quyết Đại hội X của Đảng về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp Nhà nước. Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo đổi mới doanh nghiệp Nhà nước. Được sự chỉ đạo của Ban đổi mới, Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương đã từng bước thực hiện cổ phần hóa các đơn vị trực thuộc theo lộ trình và tiếp tục củng cố, phát triển các đơn vị thành viên để có đủ khả năng tự chủ trong sản xuất kinh doanh.

UBND tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 134/QĐ/UBND ngày 22/05/2006 chuyển Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Sau đó, UBND tỉnh Bình Dương tiếp tục ra Quyết định 2964/QĐ-UBND ngày 04/10/2010 về việc phê duyệt Đề án

chuyển đổi Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương thành Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH MTV.

Đến 31/12/2015 bộ máy quản lý hoạt động của Tổng công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH MTV như sau:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quen	Thành viên Hội đồng thành viên
Ông Huỳnh Thanh Hải	Thành viên Hội đồng thành viên
Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên Hội đồng thành viên
Ông Huỳnh Công Phát	Thành viên Hội đồng thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Thế Sự

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Quen	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Công Phát	Phó Tổng Giám đốc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Trần Nguyên Vũ	Kế toán trưởng
--------------------	----------------

2.4. Cơ cấu tổ chức Tổng công ty

TRỤ SỞ CHÍNH: TỔNG CÔNG TY SX – XNK BÌNH DƯƠNG TNHH MTV

Địa chỉ: A 128, Khu phố Đông tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
 Điện thoại: 0274 3 755 243
 Fax: 0274 3 755 040

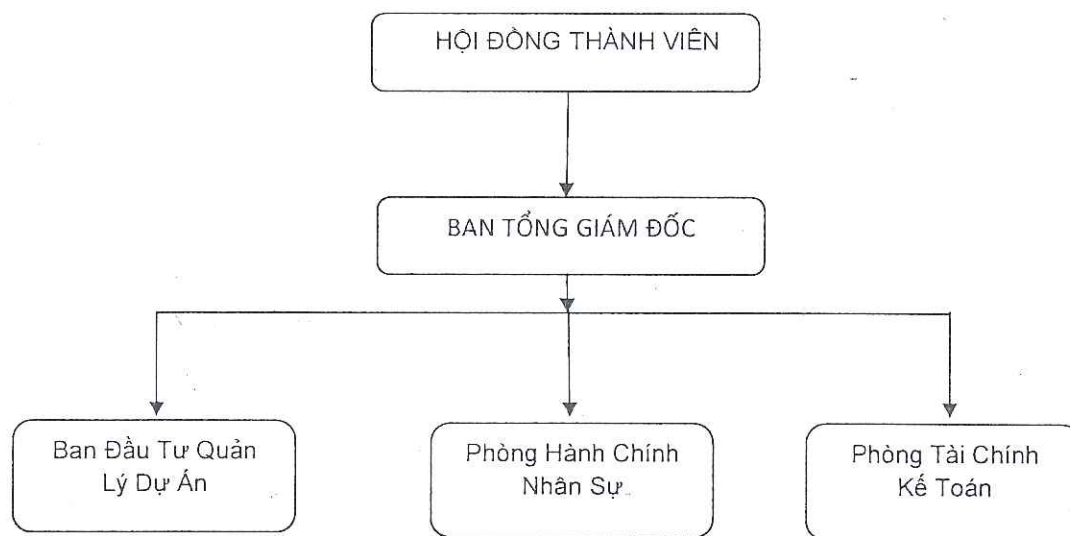
CHI NHÁNH: XÍ NGHIỆP CƠ ĐIỆN LẠNH 3/2

Địa chỉ: B 128, Khu phố Đông tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
 Điện thoại: 0274 3 759 463
 Fax: 0274 3 755 464

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC: NÔNG TRƯỜNG PHƯỚC LONG

Địa chỉ: Phước Bình, Phước Long, Bình Phước
 Điện thoại: 06513 775211 Fax: 06513 775223

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TỔNG CÔNG TY



Công ty con, xí nghiệp trực thuộc 100% vốn Nhà nước, gồm:

- + Công Ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú
- + Công Ty TNHH MTV Cao Su Bến Cát
- + Công Ty TNHH MTV Chăn Nuôi Vifaco
- + Công Ty TNHH MTV Dịch vụ - Công nghiệp và Thuốc lá Bình Dương
- + Công Ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé
- + Công Ty CP TM Tổng Hợp Thuận An
- + Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng 3/2
- + Công Ty TNHH Du Lịch D&M
- + KP Apparell Manufacturing Co.,LTD (Vương quốc Campuchia)

Công ty cổ phần, liên kết, gồm:

- + Công Ty CP Cao Su Dầu Tiếng Việt Lào
- + Công Ty Cổ Phần Phát Triển Phú Mỹ
- + Công Ty TNHH Ascendas-Protrade
- + Công Ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam
- + Công Ty CP Bệnh Viện Quốc Tế Hạnh Phúc
- + Công Ty Cổ Phần Hưng Vượng
- + Công Ty TNHH Đầu Tư & XD tân Phú
- + Công Ty TNHH YCH – PROTRADE
- + Công Ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành
- + Công Ty CP Dịch Vụ & Công Nghiệp Bình Dương
- + Công Ty Cổ Phần May Mặc Bình Dương (Chuyển đổi từ công ty con sang công ty cổ phần tháng 11/2015)

Trong hệ thống các công ty trực thuộc Tổng Công ty, nổi bật là Công ty Cổ phần Hưng Vượng, Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương, Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú với số CBCNV đạt trên 4.000 lao động, doanh thu hàng năm chiếm gần 80% doanh thu của hệ thống các doanh nghiệp trong Tổng Công ty.

Năm 2016, Tổng Công ty đã bàn giao lại một số công ty con về chủ sở hữu quản lý như: Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Vifaco, Công ty TNHH MTV Cao Su Bến Cát, Công ty TNHH MTV Công Nghiệp và Thuốc lá Bình Dương, Công ty TNHH D&M. Đồng thời cũng đã thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Dầu Tự & Xây Dựng 3/2.

Trong các công ty liên doanh, liên kết nổi bật là Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam là một trong những đơn vị đứng đầu trong đầu tư và đóng góp cho ngân sách tỉnh trong những năm qua, Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt-Lào là đơn vị có nguồn vốn đầu tư lớn sang nước bạn Lào.

Các dự án đã và đang thực hiện đầu tư:

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội địa phương, Tổng Công ty đã và đang thực hiện các dự án đầu tư như sau:

Dự án	Mô tả	Vị trí	Tổng vốn đầu tư (đồng)	Thời gian đầu tư
Dự án khu quy hoạch Gò Chai	Khu dân cư	Thuận An, Bình Dương	94.041.892.979	2002
Dự án khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương	Đầu tư khu công nghiệp dịch vụ	Thành phố mới Bình Dương	393.752.378.200	2005
Dự án khu CNDV An Tây	Đầu tư khu công nghiệp dịch vụ	Xã An Tây, Bến Cát	252.173.360.782	2007

Nguồn: Tổng Công ty

3. Chính sách, chế độ

Tổng Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, xây dựng nhà xưởng thông thoáng, đảm bảo vệ sinh môi trường, thực hiện phong trào xanh – sạch – đẹp. An ninh trật tự đảm bảo, hàng năm đều đạt cơ quan an toàn, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, không xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động nghiêm trọng. Tinh thần dân chủ được phát huy mạnh mẽ thông qua Đại hội công nhân viên chức và Hội nghị Người lao động hàng năm. Thỏa ước lao động tập thể được lãnh đạo các đơn vị tôn trọng, quan tâm thực hiện và phát huy tác dụng, hạn chế tình trạng đình lãn công, các quy định, chính sách phát luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chế độ tài chính kế toán luôn được đảm bảo.

Thu nhập bình quân của người lao động hiện nay hơn 10.000.000 đồng/người/tháng.

Các chế độ chính sách đối với người lao động như ăn giữa ca, trang bị BHLĐ, khám sức khỏe định kỳ đều được quan tâm đầy đủ. Hợp đồng lao động, Bảo hiểm xã hội – Y tế - Thất nghiệp đạt 100% lao động chính thức.

Hàng năm tổ chức cho 100% CB.CNV đi tham quan, nghỉ mát theo quy chế do Tổng Công ty đề ra. Đặc biệt, Tổng Công ty thực hiện chính sách đưa đón và hỗ trợ chi phí cho công nhân ở xa về quê ăn Tết nguyên đán hàng năm.

Các đơn vị thành viên còn quan tâm xây dựng nhà ăn tập thể đảm bảo tiêu chuẩn, thường xuyên

kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giải quyết ở tập thể hoặc hỗ trợ chi phí nhà trọ. Tổng Công ty đã xây dựng được 01 nhà ăn tập thể đúng tiêu chuẩn có sức chứa trên 2.000 người. Tổng Công ty cũng đã xây dựng và đưa vào hoạt động một block khu chung cư công nhân 07 tầng có sức chứa 600 người.

Tổng Công ty còn quan tâm trích từ quỹ phúc lợi để cùng các địa phương trong tỉnh thực hiện chính sách xã hội như: hỗ trợ Quỹ vì người nghèo, Quỹ học sinh nghèo hiếu học, hội Khuyến học, hội bảo trợ NTT & TMC, xây dựng nhà tình thương, hỗ trợ chăm lo chính sách các dịp lễ hội của các ban ngành địa phương.

4. Chủ sở hữu của Tổng Công Ty

Chủ sở hữu của Tổng Công Ty SX – XNK Bình Dương TNHH MTV là TỈNH ỦY TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Địa chỉ: Tầng 17, Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3822705

Fax: 0274 3822957

Email: vptinhuy@binhduong.gov.vn

Lĩnh vực hoạt động chính:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700148166 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 05 năm 2015, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118 (chính)
2.	Trồng cây ăn quả	0121
3.	Trồng cây điều	0123
4.	Trồng cây hồ tiêu	0124
5.	Trồng cây cao su	0125
6.	Trồng cây cà phê	0126
7.	Trồng cây chè	0127
8.	Trồng cây lâu năm khác	0129
9.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
10.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
11.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
12.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
13.	Chăn nuôi lợn	0145
14.	Chăn nuôi gia cầm	0146

TT	Tên ngành	Mã ngành
15.	Chăn nuôi khác	0149
16.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
17.	Khai thác gỗ	0221
18.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
19.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
20.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
21.	Sản xuất giống thủy sản	0323
22.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
23.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
24.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
25.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
28.	May trang phục (trừ trang phục da lông thú)	1410
29.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
30.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
31.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
36.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nấn, bao bì từ giấy và bìa	1702
37.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
38.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
39.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
40.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
41.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
42.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
43.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395

TT	Tên ngành	Mã ngành
44.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
45.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
46.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
47.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
48.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim	2591
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
53.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá	3530
54.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
55.	Xây dựng nhà các loại	4100
56.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
57.	Xây dựng công trình công ích	4220
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
66.	Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
67.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
68.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
69.	Bán lẻ hàng hóa khác, mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
70.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
71.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
72.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

TT	Tên ngành	Mã ngành
73.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
74.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Quảng cáo	7310
77.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
78.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
79.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
80.	Hoạt động thể thao khác	9319
81.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	5022
82.	Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

II. Tình hình vốn kinh doanh và tài sản theo sổ sách kế toán của Tổng Công ty đến thời điểm 31/12/2015

1. Phân loại cơ cấu vốn theo Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty

Theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC kiểm toán, tài sản và đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

	2013	2014	2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.808.957.660.735	804.607.583.540	1.289.305.464.782
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	67.619.081.516	65.063.597.557	152.490.332.014
1. Tiền	17.619.081.516	4.063.597.557	37.490.332.014
2. Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	61.000.000.000	115.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	320.577.750.000	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	320.577.750.000	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	203.120.996.091	732.955.956.975	1.112.531.101.414
1. Phải thu khách hàng	31.768.250.617	64.861.002.868	106.766.410.128
2. Trả trước cho người bán	83.858.197.299	28.232.556.920	27.511.093.520
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	471.547.401.020	642.999.401.020
4. Các khoản phải thu khác	94.094.548.175	202.027.921.167	380.796.927.065
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.600.000.000)	(33.712.925.000)	(45.542.730.319)
IV. Hàng tồn kho	1.146.591.114.966	6.235.794.763	23.790.796.829
1. Hàng tồn kho	1.146.716.973.812	6.361.653.609	23.916.655.675
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(125.858.846)	(125.858.846)	(125.858.846)
V. Tài sản ngắn hạn khác	71.048.718.162	352.234.245	493.234.525
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	4.550.000	90.101.592	170.137.732
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	262.132.653	323.096.793
3. Tài sản ngắn hạn khác	71.044.168.162	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2013, 2014 và 2015

Theo BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công Ty TNHH Kiểm Toán AASC kiểm toán, tài sản và đầu tư dài hạn của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

	2013	2014	2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.118.516.451.268	3.408.205.937.209	2.992.879.575.103
I. Các khoản phải thu dài hạn	403.529.015.598	431.102.110.313	477.905.544.464
1. Phải thu về cho vay dài hạn	-	136.008.549.652	169.591.299.652
2. Phải thu dài hạn khác	403.529.015.598	295.093.560.661	308.314.244.812
II. Tài sản cố định	123.922.074.502	1.270.509.732.913	861.949.098.147
1. Tài sản cố định hữu hình	4.434.022.646	6.136.866.910	18.554.599.382
- Nguyên giá	44.357.143.837	47.799.950.401	64.895.683.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	(39.923.121.191)	(41.663.083.491)	(46.341.084.246)
2. Tài sản cố định vô hình	12.810.520.565	14.377.853.673	73.128.584.560
- Nguyên giá	16.967.660.370	18.963.174.164	78.435.464.295
- Giá trị hao mòn lũy kế	(4.157.139.805)	(4.585.320.491)	(5.306.879.735)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	106.677.531.291	1.249.995.012.330	770.265.914.205
III. Bất động sản đầu tư	83.408.872.734	114.541.754.214	110.574.815.467
- Nguyên giá	89.627.046.333	122.156.276.306	118.791.352.297
- Giá trị hao mòn lũy kế	(6.218.173.599)	(7.614.522.092)	(8.216.536.830)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.502.277.362.433	1.588.728.252.293	1.538.170.747.615
1. Đầu tư vào công ty con	847.115.228.854	847.115.228.854	788.818.728.854
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	830.125.581.000	940.577.669.889	1.058.659.359.889
3. Đầu tư dài hạn khác	18.893.935.400	4.470.440.000	505.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(193.857.382.821)	(203.435.086.450)	(309.812.341.128)
V. Tài sản dài hạn khác	5.379.126.001	3.324.087.476	4.279.369.410
1. Chi phí trả trước dài hạn	4.176.126.001	3.321.087.476	3.079.369.410
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	1.200.000.000		1.200.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	3.000.000	3.000.000	3.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2013, 2014 và 2015

2. Phân theo nguồn vốn theo Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty

Theo BCTC riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công Ty TNHH Kiểm Toán AASC kiểm toán, nợ phải trả của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

	2013	2014	2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	2.919.921.648.118	2.490.760.848.796	2.433.369.189.149
I. Nợ ngắn hạn	1.377.936.222.419	1.165.210.494.104	1.843.695.842.017
1. Vay và nợ thuê tài chính	533.899.340.604	728.411.937.606	1.006.339.834.164
2. Phải trả người bán	2.036.736.700	1.813.523.791	17.129.920.256
3. Người mua trả tiền trước	79.999.927.457	-	18.222.661
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	93.154.546.831	4.642.936.329	63.136.836.293
5. Phải trả người lao động	3.939.567.263	1.719.491.779	7.293.765.783
6. Chi phí phải trả	4.518.603.427	11.025.123.244	166.435.671.519
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	659.531.011.469	417.597.481.355	583.341.591.331
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	856.488.668	-	-
II. Nợ dài hạn	1.541.985.425.699	1.325.550.354.692	589.673.347.132
1. Phải trả dài hạn khác	1.111.435.224.474	1.111.359.243.590	467.925.392.845
2. Vay và nợ dài hạn	352.330.160.694	214.191.111.102	121.747.954.287
3. Doanh thu chưa thực hiện	78.220.040.531		

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2013, 2014, 2015

Theo BCTC riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công Ty TNHH Kiểm Toán AASC kiểm toán, nguồn vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

	2013	2014	2015
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.007.552.463.885	1.722.052.671.953	1.848.815.850.736
I. Vốn chủ sở hữu	1.007.552.463.885	1.722.052.671.953	1.848.815.850.736
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	683.623.804.526	1.350.000.000.000	1.350.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	323.527.007.558	61.451.751.596	285.964.391.754
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		310.600.920.357	212.851.458.982
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	401.651.801		
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác			

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2013, 2014, 2015

III. Diện tích các khu đất Tổng Công ty hiện đang quản lý, sử dụng đến 31/12/2015

Đến thời điểm 31/12/2015, tổng diện tích đất Tổng Công ty đang sử dụng, quản lý là 14.551.135,74 m², trong đó:

- Đất do Tổng Công ty thuê, trả tiền thuê đất hằng năm: bao gồm 24 khu đất. Tổng diện tích: 7.869.602,28 m²
- Đất do Tổng Công ty thuê, trả tiền thuê đất một lần hoặc được giao đất: bao gồm 31 khu đất. Tổng diện tích: 4.187.315,34 m²
- Đất do Tổng Công ty đang quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có hợp đồng thuê đất: bao gồm 17 khu đất. Tổng diện tích: 2.494.218,12 m²

(chi tiết trong Phụ lục 1)

IV. Tình hình lao động

1. Lao động

Tổng số lao động của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 185 và được phân loại như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	185	100%
Trình độ đại học và trên đại học	53	29%
Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	34	18%
Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	98	53%
Theo loại hợp đồng lao động	185	100%
Hợp đồng không thời hạn + lao động bổ nhiệm	130	70%
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	55	30%
Theo giới tính	185	100%
Nam	148	80%
Nữ	37	20%

2. Cơ cấu vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty và các công ty con, công ty liên kết:

2.1. Công ty con:

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú	Ấp Cây Sắn, xã Lai Uyên, Bến Cát, Bình Dương	20.000.000.000	100%	Sản xuất, kinh doanh giấy bao bì và các sản phẩm khác từ giấy....
2	Công ty TNHH Sân Golf Palm Sông Bé*	77 ĐL Bình Dương, Thuận An, Bình	259.331.601.540	100%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...

Dương					
3	Công ty CP TM Tổng Hợp Thuận An	Châu Văn Tiếp, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	9.950.000.000	62,68%	Kinh doanh xăng dầu các loại.
4	KP Apparel Manufacturing Co.LTD *	Campuchia	62.138.549.749	100%	Sản xuất kinh doanh hàng may mặc.
5	Công ty TNHH MTV Cao Su Bến Cát	Ấp Rạch Bắp, xã An Tây, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	19.800.000.000	100%	Trồng và chế biến mủ cao su.
6	Công Ty TNHH MTV Chăn Nuôi Vifaco	KP Hòa Long, P.Lái Thiêu, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương	11.845.000.000	100%	Chăn nuôi.
7	Công Ty TNHH MTV DV & CN Thuốc Lá Bình Dương	Đường Lê Hồng Phong, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	64.123.477.889	100%	Sản xuất sản phẩm từ thuốc lá.
8	Công Ty TNHH D&M	Bình Thuận, Phan Thiết	5.500.000.000	100%	Dịch vụ du lịch.
9	Công Ty Đầu Tư Xây Dựng 3/2	Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	112.000.000.000	50,74%	Khai thác cát, đá, sỏi...

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV

Ghi chú: (*) là Vốn thực góp.

2.2. Công ty liên kết:

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty CP Cao Su Dầu Tiếng Việt Lào	Lào	19.800.000.000	40%	Trồng và chế biến mủ cao su
2	Công ty CP Phát Triển Phú Mỹ**	P.Hòa Phú, TP TDM, Bình Dương	950.591.221.956	35%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng..
3	Công ty TNHH Ascendas – Protrade	An Tây, Bến Cát, Bình Dương	621.240.000.000	30%	Kinh doanh đầu tư hạ tầng KCN..
4	Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam	KP Bình Đức, P.Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	294.906.142.000	30%	Kinh doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
5	Công ty CP Bệnh Viện Đa Khoa Quốc Tế Hạnh Phúc	Phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương	209.700.000.000	24%	Hoạt động lĩnh vực y tế...

6	Công ty Cổ Phần Hưng Vương	Nguyễn Văn Tiết, P.Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	150.000.000.000	30.9%	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, đồ gỗ xây dựng, cửa, xẻ gỗ...
7	Công ty TNHH YCH – Protrade	KP Đồng An, Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương	162.071.250.000	30%	Kinh doanh vận tải, kho vận...
8	Công ty CP May Mặc Bình Dương	KP Bình Hòa, P.Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương	120.000.000.000	48.89%	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc...
9	Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành **	P.Hòa Phú, TP TDM, Bình Dương	277.069.437.660	30%	Kinh doanh dịch vụ Golf, nhà hàng...
10	Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Tân Phú	P.Hòa Phú, TP TDM, Bình Dương	63.500.000.000	30%	Kinh doanh BĐS, căn hộ cao cấp...

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV

Ghi chú: (**) là Vốn thực góp.

3. Các tổ chức đoàn thể

3.1. Tổ chức Đảng

Tổng Công ty có 01 Đảng bộ trực thuộc Đảng Ủy Khối Doanh Nghiệp Tỉnh Bình Dương, gồm 08 chi bộ với tổng số Đảng viên là 168 Đảng viên.

3.2. Tổ chức Công đoàn

Tổng Công ty có 1 Công đoàn Cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động Tỉnh Bình Dương, 7 Công đoàn cơ sở thành viên với tổng số công đoàn viên là 2.767 công đoàn viên. 01 Công đoàn bộ phận trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Bến Cát là công đoàn Công ty Cao Su Bến Cát, 02 công đoàn bộ phận trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Dương là công đoàn Công ty Sân Golf Palm Sông Bé và công đoàn Công ty Thuốc Lá Bình Dương.

3.3. Tổ chức Đoàn TNCS HCM

Tổng Công ty có 01 Đoàn cơ sở Công ty trực thuộc Đoàn khối doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, gồm 04 Chi đoàn, 01 Liên chi đoàn với tổng số trên 458 đoàn viên. 02 Chi đoàn trực thuộc Đoàn khối doanh nghiệp tỉnh Bình Dương gồm Chi đoàn Công ty Thuốc lá Bình Dương và Chi đoàn Công ty Sân Golf Palm Sông Bé.

4. Các thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạt động của Tổng Công ty

- Huân chương lao động hạng III của Chủ tịch nước ngày 30/09/1984, huân chương lao động hạng I của Chủ tịch nước ngày 16/11/1985, Anh hùng lao động của Chủ tịch nước ngày 31/05/2013 do đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ khi thành lập, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Các bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen, giấy khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương, Bộ Công an, Tổng Liên đoàn lao động, Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, Ủy Ban MTTQVN tỉnh Bình Dương, Đảng Ủy khối Doanh Nghiệp, Đoàn khối Doanh Nghiệp tỉnh Bình

Dương qua các năm;

- Ngoài ra còn có các bằng khen và cờ thi đua khác của các cấp.



V. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2013, 2014, 2015

1. Các chỉ tiêu tài chính và kết quả kinh doanh thể hiện qua các năm

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng Doanh thu *	370.938.953.828	487.920.137.728	1.146.135.704.629
	Tốc độ tăng trưởng doanh thu qua các năm	-24%	32%	135%
2	Tổng chi phí **	168.059.219.664	177.153.566.654	933.284.245.647
3	Lợi nhuận trước thuế	202.879.734.164	310.766.571.074	212.851.458.982
4	Lợi nhuận sau thuế	202.575.439.254	310.766.571.074	212.851.458.982
	Tỷ lệ lợi nhuận thuần/Tổng doanh thu	55%	64%	19%
5	Tổng tài sản	3.297.474.112.003	4.213.901.930.606	4.282.185.039.885
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	6,15%	7,37%	4,97%
6	Vốn chủ sở hữu	1.007.552.463.885	1.722.368.865.180	1.785.434.261.345
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	19,32%	22,77%	11,92%
7	Số lao động (người)	166	176	185
8	Tổng quỹ lương	20.892.364.980	20.397.850.932	30.607.313.036
9	Thu nhập bình quân NLĐ/tháng	9.690.818	8.678.485	12.971.164
10	Thu nhập bình quân/VCQL/tháng	36.161.755	43.160.000	43.160.000
11	Các khoản nộp ngân sách	60.362.241.403	34.770.324.255	125.523.436.653
	-Thuế GTGT	528.194.748	3.418.529.911	62.520.503.315
	- Thuế xuất nhập khẩu			
	-Thuế thu nhập DN	122.294.910	380.376.194	

TT	Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
	-Thuế thu nhập cá nhân	1.636.940.790	1.540.231.593	2.155.341.678
	-Thuế tài nguyên	9.167.400	33.816.280	17.431.000
	-Thuế đất + môn bài	308.639.065	142.034.665	59.069.875.796
	-Khác	57.757.004.490	29.255.335.612	1.760.284.864
12	Nợ phải trả	2.919.921.648.118	2.491.533.065.426	2.433.369.189.149
	Nợ ngắn hạn	1.377.936.222.419	1.164.782.710.734	1.843.695.842.017
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
	Nợ dài hạn	1.541.985.425.699	1.326.750.354.692	589.673.347.132
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
13	Nợ phải thu	606.650.011.689	613.911.262.309	1.590.436.645.878
	Trong đó: Nợ khó đòi	6.600.000.000	33.712.925.000	45.542.730.319

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2013, 2014, 2015

(*) bao gồm Doanh thu thuần, Doanh thu hoạt động tài chính và Doanh thu khác.

(**) bao gồm Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí tài chính và Chi phí khác

2. Đánh giá về tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty qua các năm 2013, 2014, 2015

2.1. Đánh giá chung

Nhiều năm qua, Tổng Công ty đã dần xây dựng được định hướng, chiến lược nhằm khẳng định thương hiệu, mở rộng phát triển trên thị trường trong và ngoài nước. Tổng Công ty liên tục đổi mới, mạnh dạn đẩy mạnh phát triển, đổi mới công nghệ, lựa chọn phân khúc thị trường sản phẩm cao cấp, có giá trị cao, ít bị cạnh tranh, ứng dụng thường xuyên các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, trình độ chuyên môn, năng lực công tác, để Tổng Công ty có đầy đủ điều kiện phát triển ổn định trong những năm qua.

Doanh thu thuần năm 2013 tăng 115% so với cùng kỳ năm trước, Lợi nhuận trước thuế đạt 80% so với năm trước. Năm 2014 doanh thu thuần tăng 104% so với cùng kỳ năm 2013, lợi nhuận trước thuế đạt 113% so với năm trước. Năm 2015 doanh thu thuần tăng 2.245% so với cùng kỳ 2014, lợi nhuận trước thuế đạt 70% so với cùng kỳ năm 2014. Doanh thu thuần tăng là do trong kỳ phát sinh doanh thu từ việc thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng từ Công Ty TNHH Ascendas – Protrade, Lợi nhuận giảm so với cùng kỳ là do Tổng công ty điều chỉnh một số khoản mục trích lập dự phòng đầu tư tài chính và khoản phải thu, tuy nhiên đối với doanh thu thuần cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm đạt 109%.

2.2. Đánh giá về một số nhân tố làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

Tổng Công ty là một trong ba “trụ cột” trong thành phần kinh tế Nhà nước ở Bình Dương. Đồng thời, là một trong những Tổng Công ty có thương hiệu, uy tín tại Bình Dương nói riêng, các tỉnh miền Đông Nam bộ và thành phố Hồ Chí Minh, cũng như trong cả nước nói chung.

Tổng Công ty đã tạo ra nhóm các sản phẩm xuất khẩu có thị trường ổn định, có thương hiệu, được thị trường các nước Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản... chấp nhận, tiêu biểu như: sản phẩm may mặc, sản phẩm gỗ, mủ cao su. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng tập trung phát triển mạnh nhiều mặt hàng phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước, tiêu biểu như: chăn nuôi, cung cấp con giống và thịt thương phẩm; sản xuất giấy, bao bì; sản xuất nước đá.

Các hoạt động dịch vụ của Tổng Công ty đã khẳng định được chỗ đứng trên địa bàn tỉnh Bình Dương nói riêng và các tỉnh miền Đông Nam bộ, thành phố Hồ Chí Minh nói chung, thu hút ngày càng nhiều khách hàng trong nước và nước ngoài, đáp ứng được nhu cầu sử dụng dịch vụ ngày càng tăng của khách hàng, các nhà đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng có những chuyển biến nội tại trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt được kết quả tốt, cụ thể như sau:

- Về chiến lược kinh doanh: Tổng Công ty đã không ngừng đổi mới ngành nghề kinh doanh từ sản xuất dép xốp, sản xuất quần áo trẻ em xuất khẩu, sản phẩm nước đá, dừa tre xuất khẩu, sản phẩm giấy, chế biến gỗ xuất khẩu cho tới các ngành như dịch vụ du lịch, bất động sản, sân golf. Các đơn vị được áp dụng chiến lược kinh doanh khác nhau: dẫn đầu về chi phí, cá biệt hóa sản phẩm hay tập trung vào phân đoạn khách hàng, khu vực địa lý. Nắm bắt nhanh nhạy nhu cầu thị trường để lựa chọn chiến lược kinh doanh là một trong những thế mạnh của Tổng Công ty.
- Về phương thức sản xuất: Từ nhu cầu thị trường Tổng Công ty đã mạnh dạn đầu tư vào thiết bị dây chuyền hiện đại mang lại chất lượng và năng suất cao, ưu tiên nhập khẩu công nghệ, máy móc hiện đại song hành với đào tạo người lao động. Tổng Công ty có kế hoạch tiếp tục thu hút đầu tư các ngành năng lượng sạch, công nghệ sinh học, từng bước thay đổi hiện đại hóa các doanh nghiệp sản xuất.
- Về cơ cấu sản xuất: Bên cạnh chiến lược sản xuất đa dạng hóa sản phẩm Tổng Công ty còn phát triển kinh doanh thương mại và dịch vụ. Tổng Công ty đã tham gia đầu tư 51% vốn vào Công ty Thương mại tổng hợp Thuận An với sản phẩm kinh doanh là xăng dầu; quyết định đầu tư vào Công ty TNHH Sân Golf Sông Bé, Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh phúc, Công ty TNHH Du lịch D&M...
- Về văn hóa doanh nghiệp: Tổng Công ty là đơn vị dẫn đầu tỉnh trong phong trào: "Xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa, xanh sạch đẹp" và phong trào "Học và làm theo lời Bác", "Thi đua nâng cao kiến thức ngoại ngữ và tin học, nâng cao kiến thức phục vụ cho công tác chuyên môn". Các phong trào này đã mang lại sự gắn kết giữa người lao động trong Tổng Công ty cũng như sự gắn kết giữa người lao động và cam kết làm việc lâu dài với doanh nghiệp.
- Tái cơ cấu tài sản: Tổng Công ty đã không ngừng đổi mới, thành lập nhiều đơn vị trực thuộc, cơ sở sản xuất kinh doanh mới, đóng cửa, giải thể các phân xưởng, công ty không còn phù hợp với thị trường và không có hiệu quả kinh tế. Tổng Công ty cũng tiến hành chia tách, chuyển đổi hình thức các công ty con theo quy định và hướng dẫn của các cơ quan chức năng theo từng thời kỳ.
- Lựa chọn và quản lý danh mục đầu tư: Tổng Công ty tập trung vào các ngành nghề trọng điểm, cùng chuỗi lợi ích đồng thời liên tục đổi mới cơ cấu đầu tư khi cần thiết.
- Tạo lập và phân bổ các nguồn vốn: Bên cạnh nguồn vốn chủ sở hữu, Tổng Công ty đã tăng cường sử dụng vốn vay, vốn của khách hàng. Không những kêu gọi vốn trong nước, Tổng

Công ty còn nỗ lực liên doanh liên kết với các tổ chức nước ngoài để tăng cường sức mạnh tài chính cũng như cơ hội tiếp cận với công nghệ và trình độ quản lý hiện đại.

Tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính của Tổng Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	1,31	0,69	0,70
Hệ số thanh toán nhanh (lần) [(Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn]	0,48	0,69	0,69
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	74%	59%	57%
Hệ số vốn CSH/Tổng tài sản	26%	41%	43%
Hệ số nợ/Vốn CSH	74%	59%	57%

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV

2.3. Đánh giá về sản lượng sản phẩm và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty

a. Về cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Nhóm hàng/ Dịch vụ	2013		2014		2015	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.708.284.528	7,74%	29.933.155.520	6,13%	672.023.951.519	58,63%
Doanh thu hoạt động tài chính	321.873.634.133	86,77%	342.243.467.620	70,14%	461.852.085.043	40,30%
Thu nhập khác	20.357.035.167	5,49%	115.743.514.588	23,73%	12.259.668.067	1,07%
TỔNG CỘNG	370.938.953.828	100%	487.920.137.728	100%	1.146.135.704.629	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2013, 2014, 2015

- Doanh thu thuần năm 2014 so với 2013 không có biến động nhiều, Tổng Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, năm sau cao hơn năm trước. Doanh thu năm 2015 tăng 2.245% so với năm 2014, nguyên nhân là do trong kỳ Tổng Công ty phát sinh doanh thu từ việc nhận tiền đền bù đất theo Hợp đồng liên doanh với Công ty TNHH Ascendas – Protrade, đây là hoạt động không thường xuyên, nên khi đánh giá chỉ tiêu tài chính sẽ không chính xác mà chỉ đánh giá khoản doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên và khoản doanh thu này vẫn tăng ổn định qua các năm.

- Doanh thu hoạt động tài chính: đối với Tổng Công ty thì khoản này là khoản thu lợi nhuận từ hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Khoản doanh thu này ổn định qua các năm, tuy nhiên năm 2015 có một sự tăng đột biến là do Tổng Công ty ghi nhận trước khoản phải thu từ lãi liên doanh của Công ty Friesland Campina Việt Nam theo Nghị quyết Hội đồng thành viên tháng 12/2015, tiền lãi thực nhận thu đầu năm 2016 và một khoản biến động nhẹ là do Tổng Công ty thoái một phần vốn từ khoản đầu tư vào Công ty Xây dựng 3/2 và Công ty CP Trung Thành, Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk).
- Khoản thu nhập khác đây là các khoản thu nhập phát sinh từ đánh giá chênh lệch từ đánh giá lại tài sản quyền sử dụng đất góp vốn, và các khoản doanh thu tiền đền bù đất theo Hợp đồng liên doanh, các khoản phát sinh này không thường xuyên nên sẽ tăng giảm theo mỗi năm quyết toán.

b. Cơ cấu về chi phí sản xuất của Tổng Công ty qua các năm

Tỷ trọng các loại chi phí của Tổng Công ty so với doanh thu thuần qua các năm như sau:

Đơn vị tính: đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	% Tổng DT	Giá trị	% Tổng DT	Giá trị	% Tổng DT
Giá vốn hàng bán	21.625.928.607	12,87%	23.215.786.809	13,08%	670.900.540.394	71,84%
Chi phí tài chính	113.453.000.609	67,51%	81.857.434.043	46,12%	195.299.195.798	20,93%
Chi phí bán hàng	886.579.976	0,53%	878.651.536	0,50%	957.286.612	0,10%
Chi phí QLDN	32.093.708.035	19,10%	68.949.490.031	38,85%	66.126.030.993	7,09%
Chi phí khác	2.437		2.568.397.462	1,45%	1.191.850	
Tổng chi phí	168.059.219.664	100%	177.469.759.881	100%	933.284.245.647	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2013, 2014, 2015

- Giá vốn hàng bán của đơn vị chiếm tỷ trọng thứ 02 trong Tổng Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và tương đối ổn định qua các năm, tuy nhiên trong năm 2015 có sự biến động tăng mạnh, đó là phát sinh khoản giá vốn từ chuyển giao đất cho Công ty Ascendas – Protarde, đây là khoản phát sinh không thường xuyên nhưng vẫn đảm bảo tính hợp lý so với doanh thu. Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần từ năm 2013 đến năm 2015 có xu hướng tăng dần ở mức lần lượt là 75%, 78%, 98%.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng thứ 03 trong Tổng chi phí của Tổng Công ty. Tổng Công ty cũng rất chú trọng trong việc tiết giảm khoản mục chi phí này để tăng lợi nhuận.
- Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng cao nhất trong khoản mục chi phí của Tổng Công ty, do trong các năm vừa qua Tổng Công ty đầu tư nhiều dự án quan trọng như nhận chuyển nhượng Công ty Golf Palm Sông Bé để trở thành 100% công ty con, và khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết

trong giai đoạn đầu chưa mang lại lợi nhuận nên Tổng Công ty phải trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính làm chi phí tài chính trong giai đoạn này tăng cao.

c. Về cơ cấu lợi nhuận trước thuế của Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV Tổng Công ty qua các năm

Đơn vị tính: đồng

	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Lợi nhuận trước thuế	202.879.734.164	310.450.377.847	212.851.458.982

Nguồn: Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV

- Lợi nhuận của Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV vẫn đảm bảo ổn định và tăng dần qua các năm, tuy nhiên trong năm 2015 có giảm nhẹ là do Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi và dự phòng khoản đầu tư tài chính làm cho lợi nhuận cuối kỳ giảm nhưng vẫn đảm bảo được kế hoạch.

3. KẾT LUẬN

Trong nhiều năm qua Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV được sự chỉ đạo và hỗ trợ sâu sát của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Dương, các sở ban ngành của tỉnh. Trải qua nhiều năm hoạt động và phát triển, Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đi lên từ 01 xí nghiệp nhỏ đến nay đã trở thành một Tổng Công ty có quy mô lớn và là một trong 03 Tổng Công ty lớn và đóng góp nhiều vào ngân sách nhà nước tại địa phương. Trong những năm phát triển vì lợi ích chung của địa phương, không ít lần Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV gặp khó khăn và có lúc tưởng chừng như sụp đổ, nhưng được sự dìu dắt và chỉ đạo của cấp trên cùng với đội ngũ nhân viên tận tâm tận lực vì sự phát triển chung, Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã ngày một lớn mạnh và tạo được vị thế của mình trên thị trường. Nay thực hiện theo mục tiêu chung của Chính phủ nhằm đổi mới trong hình thức quản lý, đảm bảo lợi ích hài hòa của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư, Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV tiến hành thực hiện theo chủ trương của Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. Tình hình thực hiện cổ phần hóa

3.1. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, giúp đỡ tận tình của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bình Dương, các Sở, ban, ngành của tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Tổng Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hóa.
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần.
- Ban lãnh đạo Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hóa diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa cho cán bộ công nhân viên công ty cũng được thực hiện chu đáo.
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hóa Tổng Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Tổng Công ty sau khi cổ phần hóa.

3.2. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, Doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là *"Bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp"*.

3.3. Thông tin Công ty cổ phần

Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT-XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG**

Tên tiếng Anh: BINH DUONG PRODUCING AND TRADING GOODS JOINT STOCK COMPANY

Tên giao dịch: PROTRADE JSC

Tên viết tắt: PROTRADE

Trụ sở chính: A128, KP Đông Tư, Phường Lái Thiêu, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274 3755243

Fax: 0274 3755040

Logo:



3.4. Ngành nghề kinh doanh

Công ty cổ phần sẽ giữ nguyên ngành nghề kinh doanh như trước đây và các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của Pháp luật hiện hành.

II. Giá trị thực tế phần vốn nhà nước và vốn điều lệ của Công ty cổ phần

1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương thì giá trị thực tế để cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Sản xuất-Xuất nhập khẩu Bình Dương TNHH MTV vào thời điểm ngày 31/12/2015 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số liên số sách kế toán	Số liên xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	3.147.510.754.381	4.346.392.525.464	1.198.881.771.083
I. TSCĐ và Đầu tư dài hạn (1+2+3+4)	1.858.205.289.599	2.814.789.837.834	956.584.548.235
1. Tài sản cố định	5.844.809.705	16.006.980.137	10.162.170.432
1.1. TSCĐ hữu hình	5.759.163.852	16.006.980.137	10.247.816.285
- Nhà cửa vật kiến trúc	346.036.898	3.779.410.430	3.433.373.532
- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý,...	5.413.126.954	12.227.569.706	6.814.442.752
1.2. Tài sản vô hình	85.645.853	-	(85.645.853)
- Giá trị quyền sử dụng đất	85.645.853	-	(85.645.853)
- Tài sản cố định vô hình khác	-	-	-
1.3. Chi phí XDCB dở dang	352.132.931	6.116.723.182	5.764.590.251
2. Các khoản phải thu dài hạn	477.905.544.464	477.905.544.464	-
- Phải thu về cho vay dài hạn	169.591.299.652	169.591.299.652	-
- Phải thu dài hạn khác	308.314.244.812	308.314.244.812	-
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.369.823.433.089	2.310.124.904.122	940.301.471.033
- Đầu tư vào công ty con	620.471.414.328	1.232.724.475.253	612.253.060.925
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	1.056.019.359.889	1.076.895.428.870	20.876.068.981
- Đầu tư tài chính dài hạn khác	505.000.000	505.000.000	-

Chi tiêu	Số liệu cơ sở kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(307.172.341.128)	-	307.172.341.128
4. Tài sản dài hạn khác	4.279.369.410	4.635.685.929	356.316.519
- Chi phí trả trước dài hạn	4.279.369.410	4.635.685.929	356.316.519
+ Công cụ dụng cụ	-	-	-
+ Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	1.289.305.464.782	1.338.582.682.340	49.277.217.558
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	152.490.332.014	152.490.332.014	-
- Tiền	37.490.332.014	37.490.332.014	-
- Các khoản tương đương tiền	115.000.000.000	115.000.000.000	-
2. Các khoản ĐTTT ngắn hạn	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-	-
3. Các khoản phải thu	1.112.531.101.414	1.158.073.831.733	45.542.730.319
- Phải thu khách hàng	106.766.410.128	106.766.410.128	-
- Trả trước cho người bán	27.511.093.520	27.511.093.520	-
- Các khoản phải thu khác	380.796.927.065	380.796.927.065	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	642.999.401.020	641.999.401.020	-
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(45.542.730.319)	-	45.542.730.319
4. Hàng tồn kho	23.790.796.829	27.483.607.215	3.692.810.386
- Hàng tồn kho	23.916.655.675	27.483.607.215	3.566.951.540
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(125.858.846)	-	125.858.846
5. Tài sản ngắn hạn khác	493.234.525	534.911.379	41.676.854
- Chi phí trả trước ngắn hạn	170.137.732	211.814.586	41.676.854
+ Công cụ dụng cụ	-	-	-
+ Chi phí trả trước	170.137.732	211.814.586	41.676.854
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-

Cm 184	Số liệu so sánh kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	323.096.793	323.096.793	
- Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	193.020.005.291	193.020.005.291
1. Giá trị thương hiệu	-	191.519.795.021	191.519.795.021
2. Giá trị tiềm năng phát triển	-	1.500.210.270	1.500.210.270
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	827.385.169.308	827.385.169.308	-
I.Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	827.385.169.308	827.385.169.308	-
1.Tài sản cố định hữu hình	85.053.488.148	85.053.488.148	-
-Nhà cửa vật kiến trúc	11.994.593.500	11.994.593.500	-
-Máy móc thiết bị, PTVT, DCQL	785.114.933	785.114.933	-
2. Công cụ, dụng cụ	-	-	-
3.Tài sản cố định vô hình	72.273.779.715	72.273.779.715	-
4.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	111.523.814.526	111.523.814.526	-
5.Chi phí XDCB dở dang	528.536.293.740	528.536.293.740	-
6.Bất động sản đầu tư	102.271.572.894	102.271.572.894	-
C. TÀI SẢN KHÔNG TÍNH VÀO GTDN	-	-	-
1. Tiền	-	-	-
2. Hàng tồn kho	-	-	-
3. Các khoản phải thu	-	-	-
4.Tài sản cố định hữu hình	-	-	-
5.Chi phí XDCBDD	-	-	-
D. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	307.289.116.196	307.289.116.196	-
I.Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	307.289.116.196	307.289.116.196	-
1.Tài sản cố định	784.886.089	784.886.089	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
2.Các khoản tư tài chính dài hạn	56.823.500.000	56.823.500.000	-
3.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241.377.487.534	241.377.487.534	-
4.Bất động sản đầu tư	8.303.242.573	8.303.242.573	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	4.282.185.039.885	5.481.066.810.968	1.198.881.771.083
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (Mục A)	3.147.510.754.381	4.346.392.525.464	1.198.881.771.083
<i>E1. Nợ thực tế phải trả</i>	<i>2.572.458.733.665</i>	<i>2.572.458.733.665</i>	-
<i>1. Nợ phải trả</i>	<i>2.572.458.733.665</i>	<i>2.572.458.733.665</i>	-
<i>2. Nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp</i>	-	-	-
- Phải trả người bán	-	-	-
- Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	-
- Phải trả dài hạn khác	-	-	-
<i>E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp thực tế</i>	-	-	-
<i>1. Nguồn kinh phí sự nghiệp</i>	-	-	-
<i>2. Nguồn kinh phí sự nghiệp không tính vào giá trị doanh nghiệp</i>	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	575.052.020.716	1.773.933.791.799	1.198.881.771.084

Tóm tắt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp như sau:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương là:
 - Giá trị sổ sách: 4.282.185.039.885 đồng
 - Giá trị xác định lại: 5.481.066.810.968 đồng
 - Chênh lệch: 1.198.881.771.083 đồng
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa là:
 - Giá trị sổ sách: 575.052.020.716 đồng
 - Giá trị xác định lại: 1.773.933.791.799 đồng
 - Chênh lệch: 1.198.881.771.084 đồng

- Giá trị tài sản loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015: 0 đồng

2. Dự kiến các khoản chi phí được giảm trừ vào vốn nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa

Dự kiến các khoản chi phí được giảm trừ vào vốn Nhà nước khi tiến hành cổ phần hóa là 4.387.360.000 đồng. Bao gồm:

- Giá trị cổ phần ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp:
 - Tổng số cổ phần ưu đãi cho người lao động: 110.700 cổ phần
 - Tổng giá trị cổ phần ưu đãi được giảm trừ vào vốn Nhà nước (tạm tính dựa trên mức giá khởi điểm): $40\% \times 12.000 \times 110.700$ cổ phần = 531.360.000 đồng.
- Tổng Chi phí cổ phần hóa khoảng 3.856.000.000 đồng bao gồm các khoản mục chính sau:

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	CHI PHÍ (Đồng)
A.	Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp	820.000.000
1	Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp	-
2	Chi phí kiểm kê, đánh giá xác định giá trị tài sản	-
3	Chi phí Đại hội CNVC-LĐ để triển khai cổ phần hóa	-
4	Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin cổ phần hóa	-
5	Chi phí Đại hội cổ đông lần đầu	500.000.000
6	Chi phí tổ chức bán đấu giá*	300.000.000
7	Chi phí đăng báo	20.000.000
B.	Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp và thuê tư vấn bán cổ phần	2.050.000.000
1	Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	950.000.000
2	Chi phí thuê tư vấn lập Phương án cổ phần hóa và bán đấu giá	1.100.000.000
C.	Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc	986.000.000
1	Thù lao Ban chỉ đạo	637.500.000
2	Thù lao Tổ giúp việc	351.000.000
	TỔNG CỘNG	3.856.000.000

(*) Chi phí tổ chức bán đấu giá phải trả cho Sở giao dịch chứng khoán được xác định bằng 0,3% trên tổng giá trị cổ phần chào bán thành công nhưng tối thiểu là 20.000.000 đồng/1 cuộc đấu giá và không vượt quá 300.000.000 đồng/1 cuộc đấu giá theo quy định tại Thông tư số 09/2014/TT-BTC ngày 16/1/2014 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá.

Chi phí CPH sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình thực hiện CPH.

3. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương tại thời điểm 31/12/2015 để cổ phần hóa là 1.773.933.791.799 đồng. Tuy nhiên, từ thời điểm 31/12/2015 đến năm 2017, lợi nhuận sau thuế còn tồn chưa được giải quyết. Do đó, Thường trực Tỉnh ủy đồng ý tăng vốn cho Tổng công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV lên mức 3.000 tỷ đồng khi xác định vốn bán cổ phần căn cứ theo Thông báo số 376-TB/TU ngày 4/12/2017 của Văn phòng Tỉnh ủy Bình Dương.

Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 đồng (Ba ngàn tỷ đồng), tương ứng 300.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Căn cứ Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương thì tỷ lệ Nhà nước nắm giữ tại Tổng Công ty là 50%. Cơ cấu vốn điều lệ cụ thể như sau:

- Vốn nhà nước tham gia Công ty cổ phần chiếm 50% là 1.500 tỷ đồng.
- Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần chiếm 50% là 1.500 tỷ đồng.

4. Cơ cấu vốn điều lệ.

Các cổ phần của Tổng Công ty phát hành vào thời điểm cổ phần hóa là cổ phần phổ thông theo tỷ lệ và cho các đối tượng như bảng sau:

TT	Cổ đông	Số lượng (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ %
1	Nhà nước	150.000.000	1.500.000.000.000	50,00%
2	CBCNV mua ưu đãi	272.600	2.726.000.000	0,09%
2.1	Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	110.700	1.107.000.000	0,04%
2.2	Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	161.900	1.619.000.000	0,05%
3	Nhà đầu tư chiến lược	119.727.400	1.197.274.000.000	39,91%
4	Nhà đầu tư khác	30.000.000	300.000.000.000	10,00%
Tổng cộng		300.000.000	3.000.000.000.000	100,00%

5. Thời gian, đối tượng và cơ quan bán cổ phần

5.1. Phân loại và phương thức bán cổ phần lần đầu

Việc bán cổ phần lần đầu của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương được áp dụng theo phương thức bán đấu giá công khai quy định tại Điều 37 và phương thức thỏa thuận trực tiếp tại Điều 39 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 196/2011/TT-BTC. Giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá là cơ sở để xác định giá bán cổ phần cho người lao động được mua cổ phần.

a. Loại cổ phần: Tất cả cổ phần của Tổng Công ty tại thời điểm phát hành là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b. Phương thức phát hành:

- Việc bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt sau khi bán đấu giá công khai.
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược được xác định là giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai số lượng cổ phần bán ra ngoài cho nhà đầu tư khác được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM. Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Sau khi tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, bán đấu giá công khai mà số lượng cổ phần chưa bán hết thì bán tiếp số lượng cổ phần này theo phương thức thỏa thuận trực tiếp quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 8 Thông tư số 196/2011/TT-BTC.

5.2. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên của Công ty, nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo quy định tại Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

5.2.1. Cổ phần bán cho CBCNV

a. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là *"Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)".* Cụ thể:

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Tổng Công ty ngày 30/11/2017 (thời điểm UBND tỉnh Bình Dương công bố giá trị doanh nghiệp Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương để cổ phần hóa) là: 136 người, trong đó có 27 người không được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước vì chưa đủ thời gian công tác theo quy định.
- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 109 người;
- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 1.107 năm.
- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.
- Giá bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất

b. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.

b) Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đầu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

c) Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần ưu đãi theo một mức xác định tại điểm a khoản 2 Điều này.

d) Số cổ phiếu ưu đãi người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Tiêu chí chung:

- Người lao động có tên trong danh sách chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần
- Người lao động có cam kết làm việc lâu dài cho công ty cổ phần từ 3 năm đến 10 năm phải thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - + Người lao động có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên, có tinh thần cầu tiến, sẵn sàng học tập, nâng cao trình độ.
 - + Người lao động đã có thâm niên công tác tại Tổng công ty từ 10 năm trở lên, có nhiều cống hiến cho Tổng công ty đã được ghi nhận.

Tiêu chí cụ thể đối với người lao động là chuyên gia:

- Người lao động đã có thời gian công tác tại Tổng công ty, có cống hiến cho Tổng công ty đã được ghi nhận bằng việc bổ nhiệm nắm giữ các chức vụ quản lý, điều hành gồm: Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên, Trưởng các phòng ban và các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc xí nghiệp cơ điện lạnh.
- Người lao động có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên, có nhiều cống hiến cho Tổng công ty đã được ghi nhận.

Tổng Công ty có 69 CBCNV đăng ký mua theo hình thức cam kết làm việc lâu dài với tổng số cổ phần là cam kết là 161.900 cổ phần, tương ứng 1.619.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm mười chín triệu đồng) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ Công ty cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi

tổ chức bán đấu giá công khai ra công chúng.

Giá bán: bằng giá đấu thành công thấp nhất

Danh sách mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên và đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần theo *Phụ lục 2*.

5.2.2. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

Tổng số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 119.727.400 cổ phần, tương ứng 1.197.274.000.000 đồng (Bằng chữ: Một ngàn một trăm chín mươi bảy tỷ, hai trăm bảy mươi bốn triệu đồng), chiếm 39,91% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 17 tháng 07 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán và số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược.

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược như sau:

- Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài hoạt động trong các lĩnh vực: dệt may, gỗ, sân golf, khu nghỉ dưỡng, bất động sản
- Có thời gian hoạt động trên 10 năm
- Có đủ năng lực tài chính, có khả năng đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và đem lại hiệu quả sau cổ phần hóa cho Tổng Công ty theo hướng thu hút nhà đầu tư
- Có lợi nhuận ròng trong ba năm liên tiếp 2014, 2015, 2016 với tỷ suất lợi nhuận trên vốn cao hơn tỷ suất lợi nhuận trên vốn theo kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa được nêu trong phương án cổ phần hóa
- Không được chuyển nhượng vốn cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp

Phương thức bán và số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược như sau:

- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện sau khi bán đấu giá công khai. Trường hợp có tối đa 3 nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần, nếu số cổ phần của các nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua lớn hơn số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược thì phải tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp có trên 3 nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa phải xây dựng quy chế tổ chức đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo nguyên tắc tại Thông tư 196/2011/TT-BTC.
- Tỷ lệ cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại Nghị định 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011; Văn bản số 02/VBHN-BTC ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần; đồng thời đảm bảo số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

Trên cơ sở xét duyệt các tiêu chí nhà đầu tư chiến lược của UBND tỉnh Bình Dương và sau khi làm việc với các đối tác, Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương đã lựa chọn, đề xuất danh sách nhà đầu tư chiến lược đăng ký tham gia mua cổ phần lần đầu như sau

Danh sách nhà đầu tư chiến lược:

Đvt: triệu đồng

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2016	Tổng tài sản tại 31/12/2016	Tỷ lệ cổ phần được mua
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển SACOM	KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	2.425.192	3.664.556	13,00%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư U&I	Số 9 Ngô Gia Tự, Tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	477.410	529.150	6,00%
3	Công ty TNHH Phát Triển	Số 123 Bùi Văn Bình, phường Phú Lợi, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	87.695	475.772	20,91%

Nguồn: Giấy đăng ký kinh doanh và Báo cáo tài chính 2016 của đối tác chiến lược được đính kèm tại Phụ lục 3

5.3. Kế hoạch bán cổ phần

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổng số lượng cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài là 30.000.000 cổ phần, tương ứng 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Thời gian phát hành: Dự kiến tháng 3.2018, sau khi có Quyết định của UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương thành Công ty cổ phần.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Giá khởi điểm: 12.000 đồng/cổ phần

5.4. Xử lý tiền bán cổ phần

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

5.5. Niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu

Về lộ trình niêm yết hoặc đăng ký giao dịch: sau khi đáp ứng đủ điều kiện về đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM, Tổng Công ty sẽ thực hiện theo quy định hiện hành.

III. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp

Tổng Công ty hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

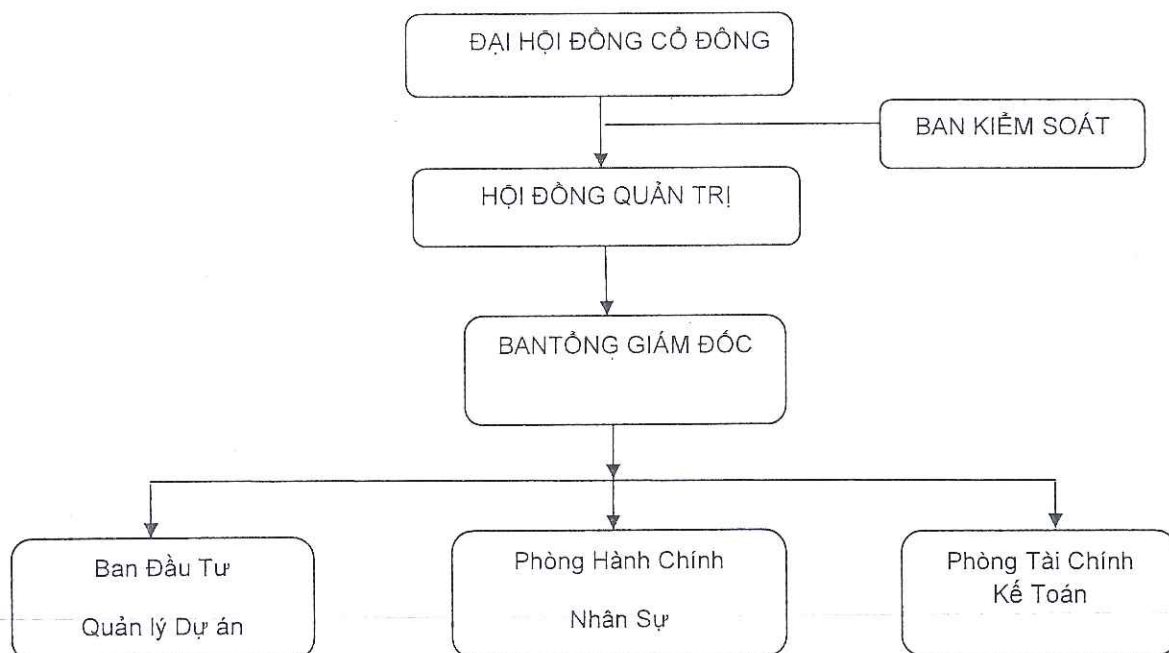
- Đại Hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: Số lượng Hội đồng quản trị 7 người, nhiệm kỳ 05 năm.
- Ban kiểm soát: Số lượng Ban kiểm soát 3 người, nhiệm kỳ 05 năm.
- Ban Tổng Giám đốc: 1 Tổng Giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc
- Kế toán trưởng: 01 người
- Các Phòng, Ban nghiệp vụ chuyên môn, gồm:
 - Phòng Tài chính - Kế toán: 6 người
 - Phòng Nhân sự và Quản trị: 7 người
 - Phòng Đầu tư và Dự án: 7 người
 - Bộ phận hỗ trợ: 61 người
 - Xí nghiệp cơ điện lạnh 3-2: 42 người

IV. Phương án tổ chức lao động, bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi cổ phần hóa

1. Phương án tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành

- Bộ máy điều hành: Nguyên tắc tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành là gọn, nhẹ, chất lượng và hiệu quả đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh trong toàn doanh nghiệp. Cơ cấu điều hành như sau:
- Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng giúp việc.

Sơ đồ tổ chức



2. Phương án sắp xếp bố trí lại lao động

Sắp xếp bố trí lao động phù hợp với ngành chuyên môn kỹ thuật được đào tạo, đáp ứng yêu cầu SXKD của TCT nhằm phát huy hết năng lực chuyên môn nghiệp vụ của CBCNV nhằm tạo động lực phấn đấu mạnh mẽ của người lao động để không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

2.1. Về nhu cầu sử dụng lao động

Tổng số lao động có nhu cầu sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần là 126 lao động. Trong đó Tổng Công ty xin lập phương án sắp xếp lại lao động khi chuyển sang công ty cổ phần như sau:

STT	Đơn vị	Lao động	Trong đó		Phân theo trình độ				
			LĐ Bổ nhiệm	HĐLĐ Không xác định thời hạn	HĐLĐ xác định thời hạn	Đại học, trên Đại học	Cao đẳng	Trung Cấp	LĐ phổ thông
1	Ban Tổng Giám đốc	3		3		3			
2	Phòng Tài chính - Kế toán	6		6		6			
3	Phòng Nhân sự và Quản trị	7		7		5			2
4	Phòng Đầu tư và dự án	7		7		5		1	1
5	Bộ phận hỗ trợ	61		27	34	1		2	58
6	Xí nghiệp cơ điện lạnh	42		28	14	5	1	2	34
Cộng		126		78	48	25	1	5	95

Nguồn: Tổng Công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	126	100%
Trình độ đại học và trên đại học	26	21%
Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	6	5%
Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	94	74%
Theo loại hợp đồng lao động	126	100%
Hợp đồng không thời hạn + lao động bổ nhiệm	79	63%
Hợp đồng thời hạn 6 tháng	0	0%
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	47	37%
Theo giới tính	126	100%
Nam	98	78%
Nữ	28	22%

Nguồn: Tổng Công ty

2.2. Kế hoạch sử dụng lao động đôi dư

Tại thời điểm sắp xếp chuyển đổi, Tổng Công ty không có lao động đôi dư.

3. Các tổ chức đoàn thể

a. **Tổ chức Đảng:** Tổng Công ty cổ phần có 01 Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy Khối Doanh Nghiệp Tỉnh Bình Dương, gồm 08 chi bộ với tổng số Đảng viên là 172 Đảng viên.

b. **Tổ chức Công đoàn:** Tổng Công ty cổ phần có 01 Công đoàn Cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động Tỉnh Bình Dương, gồm có 8 Công đoàn cơ sở thành viên, 10 Công đoàn bộ phận và 75 tổ Công đoàn với tổng số công đoàn viên là 3.575 công đoàn viên.

c. **Tổ chức Đoàn TNCS HCM:** Tổng Công ty cổ phần có 01 Đoàn cơ sở Tổng Công ty trực thuộc Đoàn khối doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, gồm 4 Chi đoàn và 1 Liên Chi đoàn với tổng số trên 400 Đoàn viên.

V. Diện tích các khu đất Tổng Công ty được giao sau cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 3027/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV, trong đó Tổng Công ty được tiếp tục sử dụng các khu đất đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định với tổng diện tích là 2.554.492,5 m². (chi tiết tại Phụ lục 4).

VI. Phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 03 năm (2018-2020)

1. Phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh trong thời gian tới

Căn cứ vào những đặc thù của Tổng Công ty, cũng như nhu cầu của thị trường trong hiện tại và tương lai, phương án hoạt động của Tổng Công ty trong những năm kế tiếp sau khi cổ phần hóa được xây dựng dựa trên việc phân tích Điểm mạnh, Điểm yếu, Cơ hội và Thách thức, cụ thể như sau:

a. Điểm mạnh

Năng lực ban lãnh đạo: Năng lực quản lý điều hành của ban lãnh đạo, sự gắn bó lâu dài, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm cùng sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ ban lãnh đạo, từ cấp ủy Đảng đến Ban Tổng Giám đốc cho đến các cán bộ công nhân viên Tổng Công ty.

Hội nhập, đổi mới: Tổng Công ty đã chủ động hội nhập sâu rộng với nền kinh tế, khoa học kỹ thuật hiện đại trên thế giới đã tạo điều kiện thuận lợi giúp Tổng Công ty nhanh chóng tiếp cận với các nhà đầu tư nước ngoài để vừa liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh, vừa học hỏi các kỹ thuật công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý hiệu quả để sản xuất và cung cấp những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.

Thành tích trong quá khứ: Tổng Công ty có uy tín hoạt động nhiều năm, đóng góp nhiều cho địa phương, tạo nhiều việc làm có thu nhập cao cho người lao động, bộ máy lãnh đạo đoàn kết, năng động, sẵn sàng tiếp thu áp dụng cái mới. Đây là một thế mạnh lớn giúp cho Tổng Công ty hoạt động ổn định và phát triển.

Kết quả hoạt động kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty những năm gần đây khá tốt, có tiềm năng phát triển bền vững, kinh doanh đa ngành và đều nằm trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ có trình độ công nghệ tương đối tiên tiến so với các doanh nghiệp cùng ngành.

b. Điểm yếu

Kinh doanh đa ngành: Tổng Công ty kinh doanh đa ngành nghề, từ sản xuất, thương mại, dịch vụ, bất động sản, giữa các ngành nghề không có sự hỗ trợ lẫn nhau, khó xác định được ngành nghề cốt lõi để dễ dàng thu hút nhà đầu tư chiến lược. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty nằm toàn bộ ở công ty con, công ty liên kết. Ngành nghề kinh doanh là sản xuất, dịch vụ, nông nghiệp nên thu hồi vốn lâu, sử dụng vốn vay nhiều là một gánh nặng đối với Tổng Công ty về áp lực trả lãi vay và dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác với hoạt động thu hồi vốn chậm như vậy, nên việc huy động vốn từ các đối tác cũng có những khó khăn nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh: Kết quả kinh doanh của một số công ty con, liên kết của Tổng Công ty còn chưa cao, có công ty lỗ. Tổng Công ty còn phải sử dụng nguồn vốn tín dụng để hỗ trợ thêm nhu cầu vốn lưu động của các công ty con, công ty liên kết sẽ ảnh hưởng đến chi phí tính thuế của Tổng Công ty.

Nhân sự: Thiếu các nhân sự cao cấp, nhân sự quản lý am hiểu chuyên sâu về ngành nghề kinh doanh của các công ty thành viên, nên việc thuê chuyên gia nước ngoài cũng là một gánh nặng chi phí nhân công cho Tổng Công ty.

c. Cơ hội

Chính sách: Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc phát triển kinh tế sẽ ngày càng có nhiều ưu đãi, mở ra nhiều cơ hội cho Tổng Công ty phát triển theo mục tiêu đa ngành nghề;

Khả năng phát triển của nền kinh tế và của địa phương: Theo dự báo của Ngân hàng thế giới, kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ổn định trong các năm tiếp theo. Dự báo mức lãi suất cho vay và lạm phát tiếp tục giảm. Tỷ giá hối đoái sẽ được giữ tại mức ổn định. Sự phát triển kinh tế của Bình Dương: Bình Dương là tỉnh phát triển kinh tế mạnh mẽ và ấn tượng trong quá khứ và duy trì sự ổn định trong những năm qua, mặt khác, lực lượng lao động tại Bình Dương được đánh giá là có trình độ tốt, tính ổn định cao đã tạo động lực to lớn để Tổng Công ty tiếp tục phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu.

Tỉnh ủy, UBND tỉnh: Sự quan tâm sâu sắc và chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các ngành chức năng trong tỉnh Bình Dương tới Tổng Công ty.

Phát triển của Tổng Công ty trong quá khứ: Với kinh nghiệm, uy tín, sự phát triển không ngừng của Tổng Công ty và sự ủng hộ của Tỉnh ủy và Chính quyền địa phương, Tổng Công ty có cơ hội tiếp cận các dự án có tiềm năng của địa phương. Đặc biệt, Bình Dương là một tỉnh có tiềm năng phát triển kinh tế, có chỉ số cạnh tranh cao. Hiện tại, thành phố Thủ Dầu Một là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bình Dương nên Tổng Công ty trong tương lai sẽ còn có nhiều cơ hội đầu tư mới.

Ngành dịch vụ của Tổng Công ty: Một trong những mục tiêu mà Tổng Công ty đặt trọng tâm phát triển và mở rộng là các ngành dịch vụ (sân golf, bất động sản, y tế, chăm sóc sức khỏe) được đánh giá là sẽ phát triển mạnh trong 5 năm tới cùng với sự ổn định và tăng trưởng của nền kinh tế cũng như sự thu hút vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng ở Bình Dương nói riêng và thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Đông Nam bộ nói chung.

d. Thách thức

Pháp luật: Hệ thống pháp luật, chính sách của Nhà nước đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, cần thay đổi để phù hợp với thực tế. Do đó Tổng Công ty phải liên tục nghiên cứu, nắm

bất các quy định mới của pháp luật và chính sách quản lý của Nhà nước để xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

Cạnh tranh và mở cửa nền kinh tế: Sự cạnh tranh trong nền kinh tế ngày càng gay gắt, các cam kết hội nhập và mở cửa của Việt Nam là thách thức rất lớn, đặc biệt là các ngành nghề như may mặc, giấy, sữa. Hoạt động xuất khẩu của Tổng Công ty cũng bị ảnh hưởng từ tình hình kinh tế tăng trưởng chậm của thế giới. Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài và nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài nên bị ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đáng kể đến tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Nhu cầu vốn: Một số công ty con của Tổng Công ty cần phát triển mở rộng trong thời gian tới với số vốn đầu tư lớn, như: Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú, Công ty TNHH MTV Sân Golf Palm Sông Bé... Đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư mới và đầu tư mở rộng của các đơn vị thành viên là một khó khăn lớn đối với Tổng Công ty nếu không đẩy nhanh cổ phần hóa.

Nhân sự: Nhiều công ty con của Tổng Công ty đang nằm trong vùng trọng điểm về phát triển công nghiệp của tỉnh Bình Dương vì vậy áp lực cạnh tranh lao động trong khu vực ngày càng cao. Hơn nữa trình độ tay nghề người lao động mới tuyển thường không đồng đều, chưa phù hợp với chuyên môn, chưa phù hợp với việc sử dụng thiết bị hiện đại nên Tổng Công ty liên tục tăng cường đào tạo cũng như đối diện với việc liên tục thay đổi nhân sự.

2. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu 03 năm 2018 - 2020

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương giai đoạn 2010-2020, chiến lược phát triển Tổng Công ty sau cổ phần hóa nêu trên, Tổng Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2018 - 2020 với các chỉ tiêu như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	1.262.000.000.000	1.323.000.000.000	1.139.000.000.000
	<i>Tốc độ tăng trưởng doanh thu</i>		5%	-14%
2	Lợi nhuận sau thuế	164.800.000.000	173.800.000.000	183.300.000.000
	<i>Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu</i>	13%	13%	16%
	Trích các quỹ	41.200.000.000	43.450.000.000	45.825.000.000
	-Quỹ đầu tư phát triển (15%)	24.720.000.000	26.070.000.000	27.495.000.000
	-Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	16.480.000.000	17.380.000.000	18.330.000.000
	Lợi nhuận chia cổ tức	123.600.000.000	130.350.000.000	137.475.000.000
	<i>Tỷ lệ chia cổ tức (%)</i>	4,12%	4,35%	4,58%
3	Vốn điều lệ	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
	<i>Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ</i>	5,49%	5,79%	6,11%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
4	Số lao động (người)	126	126	126
5	Tổng quỹ lương	1.260.000.000	1.260.000.000	1.260.000.000
6	Thu nhập bình quân triệu đồng/người/tháng	10.000.000	10.000.000	10.000.000

Nguồn: Tổng Công ty

3. Giải pháp thực hiện các chỉ tiêu

Nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa, Tổng Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty con, công ty liên doanh/liên kết, cụ thể như sau:

3.1. Đối với các công ty con:

1. CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE

Tiếp tục tổ chức các đợt xúc tiến đầu tư ở các quốc gia như Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu... để kêu gọi các doanh nghiệp đầu ngành có các tiêu chí xanh-sạch, phù hợp với định hướng của Công ty đầu tư vào khu công nghiệp.

Tăng cường đầu tư các khu đất dịch vụ và thương mại, tiện ích: như nhà xưởng, văn phòng cho thuê, khu thương mại và nhà ở công nhân.

2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY VĨNH PHÚ

Mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm và đa dạng hóa chủng loại sản phẩm.

Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị mới được nhập khẩu chủ yếu từ Châu Âu và Đài Loan.

3. GOLF SÔNG BÉ:

Cải tạo và nâng cấp sân golf nhằm thu hút các golf thủ tiềm năng trải nghiệm dịch vụ golf đẳng cấp và độc đáo của Golf Sông Bé và các dịch vụ khác đi kèm.

Triển khai nghiên cứu tính khả thi của các dự án Bất động sản trong sân Golf như khách sạn tiêu chuẩn từ 4-5 sao, khu nhà ở cao cấp, khu căn hộ cao tầng, khu dân cư thương mại phức hợp và trung tâm hội nghị, triển lãm.

Ngoài ra, với vị thế là chủ sở hữu của hệ thống 3 sân golf tại Bình Dương, khách chơi golf sẽ có nhiều lựa chọn để trải nghiệm 3 phong cách được thiết kế khác nhau với nhiều ưu đãi mà không có hệ thống sân golf nào trong cả nước có được.

3.2. Đối với các công ty liên doanh, liên kết:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao tay nghề công nhân nhằm mở rộng thị trường sang Nhật Bản, Châu Âu,... và nhằm đón đầu Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

2. CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẠNH PHÚC

Nâng cao chất lượng chăm sóc, các dịch vụ y tế, đầu tư thêm máy móc thiết bị chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

3. CÔNG TY TNHH YCH – PROTRADE

Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 với diện tích 2,9ha kho hỗn hợp, bao gồm kho lạnh và kho thông thường (Nhà kho hiện hữu đã cho thuê và vận hành trên 70% giai đoạn 1 với diện tích khoảng 4ha) nhằm tiếp nhận quản lý, vận hành kho cho một số khách hàng như: TH milk, Pernod Ricard, Pepsi, General Motor.... Đầu tư thêm phương tiện vận tải để vận chuyển các sản phẩm và nguyên liệu cho khách hàng.

4. CÔNG TY TNHH FRIESLAND CAMPINA VIỆT NAM

Nghiên cứu đưa ra các sản phẩm mới, với hàm lượng dinh dưỡng cao, đáp ứng thị hiếu của thị trường Việt Nam. Tập trung mở rộng sản xuất, mở rộng thị phần.

5. CÔNG TY CỔ PHẦN HƯNG VƯỢNG

Tiếp tục đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu ngày càng cao của thị trường Nhật Bản. Chú trọng đầu tư nhân lực chất lượng cao, đưa ra các thiết kế đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng, nâng cao chất lượng sản phẩm.

VII. Các dự án đầu tư sau khi cổ phần hoá

Sau khi cổ phần hóa và tiếp nhận các nguồn lực mới từ các nhà đầu tư chiến lược cũng như các nhà đầu tư bên ngoài, Tổng Công ty tiếp tục kiện toàn nguồn nhân lực nội tại cũng như tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để có thể đầu tư cho các dự án đã được định hướng là trọng tâm cho giai đoạn 5 năm tiếp theo. Các dự án đầu tư cụ thể của Tổng Công ty và các công ty con/ công ty liên kết sau cổ phần hóa như sau:

1. CÔNG TY TNHH MTV QUỐC TẾ PROTRADE

Thực hiện dự án mở rộng khu công nghiệp thêm 600ha, nâng tổng diện tích toàn khu công nghiệp lên 1.100ha và dự án khu thương mại dịch vụ nằm trong dự án Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ An Tây.

2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY VĨNH PHÚ

Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị mới được nhập chủ yếu từ Châu Âu và Đài Loan.

3. CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao tay nghề công nhân nhằm mở rộng thị trường sang Nhật Bản, Châu Âu.

4. CÔNG TY TNHH YCH – PROTRADE

Tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 với diện tích 2,9ha kho hỗn hợp, bao gồm kho lạnh và kho thông thường (Nhà kho hiện hữu đã cho thuê và vận hành trên 70% giai đoạn 1 với diện tích khoảng 4ha). Đầu tư thêm phương tiện vận tải để vận chuyển các sản phẩm và nguyên liệu cho khách hàng.

VIII. Kết luận - Kiến nghị

Thực hiện cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Vì vậy, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét và phê duyệt Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH MTV để Tổng Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định của Nhà nước.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng có một số kiến nghị sau:

- ✓ Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty là 31/12/2015. Đến nay, đã gần hết hạn 18 tháng nhưng chưa thể thực hiện việc tổ chức bán cổ phần do Tổng Công ty là doanh nghiệp có quy mô lớn với nhiều dự án, đất đai, tài sản. Để kết quả xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty được đảm bảo chính xác, khách quan, tuân thủ các quy định của pháp luật, UBND tỉnh Bình Dương đã đề nghị Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại Tổng Công ty. Do đó, Tổng Công ty kiến nghị UBND tỉnh Bình Dương gia hạn cho Tổng Công ty thực hiện việc tổ chức bán cổ phần lần đầu trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày được phê duyệt phương án cổ phần hóa.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty được phê duyệt và có quyết định của UBND tỉnh Bình Dương về việc chuyển Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương thành Công ty cổ phần, Tổng Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày)
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	T + 90
3	Tổ chức bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	T + 90
4	Tổ chức bán cổ phần cho CB.CNV	T + 90
5	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ chức bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)	T + 120
6	Báo cáo Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp, UBND tỉnh Bình Dương điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thành lập	T + 120
7	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	T + 120
8	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần	T + 120
9	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T + 120
10	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T + 150
11	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	T + 150
12	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần.	T + 150

Bình Dương, ngày tháng năm 2017

TỔNG CÔNG TY SẢN XUẤT – XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH DƯƠNG - TNHH MTV

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Công Phát



Trần Nguyên Vũ

PHỤ LỤC CỦA PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Công văn 98/TCTY-TCKT ngày 19/7/2017 về Phương án sử dụng đất sau khi chuyển Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH-MTV thành công ty cổ phần.
2. Danh sách CBCNV mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên và đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài.
3. Giấy đăng ký kinh doanh và Báo cáo tài chính 2016 của đối tác chiến lược.
4. Quyết định số 3027/QĐ-UBND Bình Dương ngày 31/10/2017 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp của Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương.
5. Quyết định số 3332/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương.
6. Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 17/07/2017 về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán và số lượng cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương.
7. Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Phê duyệt Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương.
8. Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Phê duyệt Phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương.
9. Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 ngày 17/11/2017 do Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam lập.
10. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty tháng 04 năm 2015.
11. Điều lệ dự thảo của công ty cổ phần.
12. Báo cáo xác định giá khởi điểm.

